TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG ĐIỀN** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 8 - 2022
"V/việc xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm.

2. Bà Trần Thị Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 89/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thu Hoà, sinh ngày: 20/10/1984; Địa chỉ: Thôn T, xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trương Văn Trung H1, sinh ngày: 02/01/1983; Địa chỉ: Thôn T, xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 14/7/2021, bản tự khai ngày 01/10/2021, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Thu Hoà trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thu Hoà và anh Trương Văn Trung H1 tự do tìm hiểu, rồi đi đến hôn nhân. Cả hai có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 10/6/2015 tại Uỷ ban nhân dân xã Phong An, huyện Phong Điền. Sau khi kết hôn, vợ chồng về thuê trọ sống tại thôn T, xã Phong An, huyện Phong Điền và đăng ký hộ khẩu thường trú tại đây.

Lý do chị H yêu cầu ly hôn là do vợ chồng mâu thuẫn, không hợp nhau về tính cách, lối sống, tính tình không hợp nhau. Ngoài ra, chị H còn trình bày việc anh H1 có quan hệ ngoài luồng với người khác nên chị không thể chấp nhận được. Vợ chồng

đã không chung sống với nhau thời gian dài mà không hàn gắn được, không có trách nhiệm gì với nhau nên chị H yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn là anh Trương Văn Trung H1 trong thời hạn quy định không nộp hoặc gửi văn bản ghi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Toà án đã xác minh về tình trạng cư trú của anh H1 và đã đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về thời gian các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh H1 vẫn vắng mặt nên không tiến hành hoà giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn nhiều lần vắng mặt là không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định. Tại phiên tòa, bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên đề nghị áp dụng thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Chị Lê Thị Thu H và anh Trương Văn Trung H1 chung sống đã đăng ký kết hôn ngày 10/6/2015 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử chấp nhận cho chị H được ly hôn anh H1; tài sản chung, nợ chung không có yêu cầu, nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Thu H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Trương Văn Trung H1 có nơi đăng ký thường trú tại thôn T, xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Phong Điền thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Về việc vắng mặt bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành xác minh biết được bị đơn đã đi khỏi nơi đăng ký thường trú tại thôn T, xã Phong An đến nay không ai xác định được bị đơn cư trú ở đâu. Ngày 03/6/2022, Toà án ra thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự bị đơn vẫn không có mặt để giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thu H và anh Trương Văn Trung H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 10/6/2015. Điều kiện và thủ tục đăng ký kết hôn đúng quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Về yêu cầu ly hôn: Trên cơ sở trình bày của chị Lê Thị Thu H, thấy rằng: Chị H và anh H1 mâu thuẫn do không có sự chia sẻ, quan tâm, đồng điệu về lối sống; thường xuyên xảy ra cãi vã; chị H cho rằng anh H1 đã vi phạm chế độ một vợ một chồng khi đã có quan hệ ngoài luồng với người khác, nên chị H không chấp nhận được; cả hai đã không sống chung với nhau thời gian dài. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh H1 trình bày ý kiến và tham gia hòa giải nhưng anh H1 vắng mặt là đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ trình bày ý kiến, tranh luận để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Chứng tỏ, anh H1 không có thiện chí hàn gắn, không có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; không có nghĩa vụ sống chung với nhau theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu cho chị H ly hôn, như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở.

[4] Về con: Vợ chồng không có con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét; trường hợp sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện trong vụ việc khác.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy đin h về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn chịu án phí ly hôn theo quy định.

[7] Về chi phí tố tụng: Chị Lê Thị Thu H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo thông báo ngày 03/6/2022, về việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Số tiền chị H phải nộp là 1.480.000 đồng (Một triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng). Chị H đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các Điều 227, 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là chị Lê Thị Thu H, cho chị Lê Thị Thu Hoà được ly hôn với anh Trương Văn Trung H1.

2. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Thu H phải chịu số tiền án phí giải quyết ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2021/0001802 ngày 01/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền. Chị H đã nộp đủ án phí.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc Chị Lê Thị Thu H nộp số chi phí tố tụng số tiền là 1.480.000 đồng (Một triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng). Chị H đã nộp đủ.

4. Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện Phong Điền;
- Các đương sự;
- UBND xã Phong An;
- Lưu: HSVA;
- Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Văn Đạt